

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng năm 2021  
của Trường Đại học Tiền Giang)

Tên chương trình: **ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGŨ VĂN**

Tên ngành đào tạo : SƯ PHẠM NGŨ VĂN

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã số : 7140217

Hình thức đào tạo : Chính quy

### I. Mục tiêu đào tạo

#### 1. Mục tiêu chung

Chương trình này đào tạo giáo viên môn ngữ văn bậc trung học phổ thông và trung học cơ sở có khả năng đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay và các giai đoạn tiếp theo. Chương trình đào tạo này giúp người học có khả năng vận dụng tri thức ngôn ngữ học, lí luận văn học, lịch sử văn học, nghiệp vụ sư phạm vào các hoạt động khoa học và thực tiễn, có cơ hội phát triển bản thân, cơ hội tìm việc làm và thăng tiến.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình Đại học Sư phạm Ngữ văn đạt được:

##### 2.1. Kiến thức

- Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà Nước, pháp luật đại cương.
- Hiểu biết các kiến thức cơ bản về tâm lý, giáo dục học và lý luận nghiệp vụ sư phạm.
- Hiểu biết hệ thống kiến thức cơ bản của các chuyên ngành ngữ văn: ngôn ngữ học, lịch sử văn học, lí luận văn học.
- Phân tích chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy ứng với hệ thống kiến thức ngữ văn bậc trung học phổ thông và trung học cơ sở; hiểu rõ qui trình và cách thức triển khai dạy học các nội dung ngữ văn ở phổ thông.

##### 2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp

- *Kỹ năng cứng:*

+ Năng lực sử dụng phương pháp dạy học môn ngữ văn để dạy ngữ văn cho học sinh phổ thông, rèn luyện cho học sinh khả năng đọc hiểu, cảm thụ, đánh giá và phân tích được cái hay, cái đẹp trong văn học lẫn các hiện tượng bên ngoài hiện thực xã hội.

+ Năng lực sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn.

+ Năng lực vận dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

+ Năng lực khai thác hiệu quả các phương tiện dạy học sẵn có và sáng tạo đồ dùng dạy học.

+ Năng lực tiếp nhận và triển khai dạy học các chương trình và sách giáo khoa ngữ văn phổ thông khác nhau trong tương lai.

- *Kỹ năng mềm:*

+ Kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc độc lập và hợp tác theo nhóm.

+ Có khả năng tự đánh giá và định hướng phát triển bản thân.

+ Có khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- *Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:*

+ Giáo viên giảng dạy môn ngữ văn tại các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở; công tác tại các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học trên toàn quốc.

+ Chuyên viên tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, các viện, trung tâm nghiên cứu có ứng dụng tri thức ngữ văn.

- *Về khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp*

+ Năng lực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.

+ Có thể theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành thuộc lĩnh vực ngữ văn.

### **2.3. Phẩm chất chính trị đạo đức, thái độ nghề nghiệp**

- Trung thành với Tổ quốc, có đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm công dân; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong mẫu mực của người giáo viên.

- Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác; có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị; biết đoàn kết, hợp tác, khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp; có quan hệ tốt với gia đình học sinh và cộng đồng.

### **II. Thời gian đào tạo: 3,5 năm**

### **III. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **178**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **125**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất và 165 tiết Giáo dục quốc phòng).

### **IV. Đối tượng tuyển sinh**

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **V. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng (ngành sư phạm) theo phương thức tích lũy tín chỉ của

Trường Đại học Tiền Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 640/QĐ-ĐHTG ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tiền Giang) và các quy định hiện hành.

## VI. Thang điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng (ngành sư phạm) theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 640/QĐ-ĐHTG ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tiền Giang) và các quy định hiện hành.

## VII. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ /HPHT+ (MHP)
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	33	12				3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	20	10				2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	20	10				2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	20	10				2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							12	4	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam A	20	10				2	2	
99102	Văn hóa Việt Nam qua văn học	20	10				2		
05052	Kỹ năng mềm	20	10				2		
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2		
99612	Văn hóa biển đảo Việt Nam	20	10				2		
1.3. Ngoại ngữ							28	14	
Chọn 1 trong 2 nhóm học phần (mỗi nhóm 14 TC)									
Nhóm 1									
07943	English 1	45					3	14	
07953	English 2	45					3		07943+
07984	English 3	60					4		07943; 07953+
07994	English 4	60					4		07953; 07984+
Nhóm 2									
07093	Tiếng Hàn 1	45					3	14	
07103	Tiếng Hàn 2	45					3		07093
07114	Tiếng Hàn 3	60					4		07103
07124	Tiếng Hàn 4	60					4		07114
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường							5	2	

Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
11902	Con người và môi trường	30					2		
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	2	
1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1	12371 <sup>+</sup>
12401	Cầu lông 1			30			1		12371 <sup>+</sup>
12421	Võ Vovinam 1			30			1		12371 <sup>+</sup>
12761	Võ Teakwondo 1			30			1		12371 <sup>+</sup>
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1	12391 <sup>+</sup>
12481	Cầu lông 2			30			1		12401 <sup>+</sup>
12471	Võ Vovinam 2			30			1		12421 <sup>+</sup>
12771	Võ Taekwondo 2			30			1		12761 <sup>+</sup>
1.5.2. Giáo dục quốc phòng							165 tiết		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							56	31	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Kiến thức cơ sở							22	22	
15062	Tâm lý học đại cương	20	10				2	2	
15292	Giáo dục học đại cương	20	10				2	2	15062 <sup>+</sup>
15193	Tâm lý học lứa tuổi & tâm lý học sư phạm phổ thông	30	15				3	3	15062 <sup>+</sup> 15292 <sup>+</sup>
15103	Lý luận giáo dục và lý luận dạy học phổ thông	30	15				3	3	15062 <sup>+</sup> 15292 <sup>+</sup>
15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1			30			1	1	
15201	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2			30			1	1	15062 <sup>+</sup> 15193 <sup>+</sup>
19002	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong trường phổ thông	20	10				2	2	15062 <sup>+</sup> 15292 <sup>+</sup> 15103 <sup>+</sup>
05072	Phương pháp nghiên cứu văn học	15	15				2	2	
05402	Dẫn luận ngôn ngữ học	20	10				2	2	
99432	Cơ sở Hán - Nôm 1	20	10				2	2	
99442	Cơ sở Hán - Nôm 2	20	10				2	2	99432 <sup>+</sup>
2.2. Kiến thức ngành							54	50	
99372	Văn học dân gian Việt Nam	20	10				2	2	

05153	Văn học trung đại Việt Nam thế kỉ X -XVII	30	15				3	3	
05163	Văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến thế kỷ XIX	30	15				3	3	
99242	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1932	20	10				2	2	
99022	Văn học Việt Nam từ 1932 đến 1945	20	10				2	2	99242+
99262	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	20	10				2	2	99022+
99272	Văn học Việt Nam sau 1975	20	10				2	2	99262+
99302	Văn học Đông Á	20	10				2	2	
99312	Văn học Đông - Nam Á	20	10				2	2	
05322	Văn học Phương Tây 1 (từ cổ đại đến thế kỷ XVII)	20	10				2	2	
14402	Văn học Phương Tây 2 (từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX)	20	10				2	2	05322+
05342	Văn học Phương Tây 3 (từ thế kỷ XX)	20	10				2	2	14402+
14412	Văn học Nga	20	10				2	2	
05182	Âm vị học tiếng Việt	20	10				2	2	
05213	Từ vựng - ngữ nghĩa - ngữ dụng học tiếng Việt	30	15				3	3	
05363	Ngữ pháp tiếng Việt	30	15				3	3	
05452	Phong cách học tiếng Việt	20	10				2	2	
05562	Tác phẩm và thể loại văn học	20	10				2	2	
05572	Văn học - Nhà văn - Bạn đọc	20	10				2	2	
05542	Lí luận chung về phương pháp dạy học Ngữ văn	20	10				2	2	
05592	Lí luận và phương pháp dạy học tiếp nhận văn bản ở trường trung học	20	10				2	2	

**Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC)**

99152	Thơ và thơ Việt Nam hiện đại	20	10				2	4	
99162	Truyện ngắn và truyện ngắn Việt Nam hiện đại	20	10				2		
99002	Tiến trình văn học	20	10				2		
05632	Phân tích và phát triển chương trình Ngữ văn	20	10				2		

**2.3. Kiến thức bổ trợ**

**24 10**

**Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)**

05652	Phương ngữ học tiếng Việt	20	10				2	10	
05662	Tiếp cận, diễn giải các tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường	20	10				2		
99112	Đại cương văn học so sánh	20	10				2		

05712	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	20	10				2		
99622	Tiểu thuyết và tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	20	10				2		
05892	Dạy học Ngữ văn theo định hướng tích hợp và phân hóa	20	10				2		
99012	Tiếp nhận văn học	20	10				2		
<b>Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>									
05732	Thể loại truyện thơ Việt Nam thời trung đại	20	10				2		
05802	Lí luận và phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường trung học	20	10				2		
99042	Chuyên đề lịch sử tư tưởng mỹ học văn học và phê bình văn học	20	10				2		
05912	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Ngữ văn	20	10				2		
99382	Thi pháp Văn học dân gian	20	10				2		
<b>2.4. Thực tập-Khoá luận tốt nghiệp</b>							<b>22</b>	<b>12</b>	
<b>2.4.1. Thực tập</b>									
05902	Thực tập sư phạm 1				90		2	2	
05914	Thực tập sư phạm 2				180		4	4	18602+
<b>2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp</b>									
05946	Khoá luận tốt nghiệp					360	6	6	
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>									
14552	Chuyên đề văn học dân gian	20	10				2	6	
99402	Chuyên đề Văn học Việt Nam trung đại	20	10				2		
99412	Chuyên đề Văn học nước ngoài	20	10				2		
05932	Lý luận và phương pháp đánh giá năng lực Ngữ văn	20	10				2		
05522	Văn bản tiếng Việt	20	10				2		
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 178 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 125 TC</b>									

Các ký hiệu và từ viết tắt trong nội dung chương trình:

- (\*) Phân biệt loại học phần điều kiện, điểm không tính vào tổng số TC
- MHP Mã học phần: Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG, ký ngày 02/8/2007, quy định Danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường ĐHTG.
- LT Lý thuyết: Giờ giảng lý thuyết; tính theo tiết.
- TH1 Thực hành 1: Thảo luận, giải bài tập, thuyết trình ở lớp học lý thuyết có giảng viên hướng dẫn; tính theo tiết
- TH2 Thực hành 2: SV nhìn GV thao tác thực hành ở lớp; phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết

<i>TT</i>	<i>Thực tập: Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường</i>
<i>ĐA</i>	<i>Đồ án: Thực hiện đồ án, bài tập lớn, tiểu luận, khoá luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ.</i>
<i>TS</i>	<i>Tổng số: Số TC của học phần, của chương trình</i>
<i>TLTT</i>	<i>Tích lũy tối thiểu: Số TC SV phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình</i>
<i>HPTQ</i>	<i>Học phần tiên quyết</i>
<i>HPHT<sup>+</sup></i>	<i>Học phần học trước.</i>

## **VIII. Sơ đồ đào tạo**

*(Phụ lục Bảng - Sơ đồ đào tạo toàn khoá học)*

## **IX. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- *Chương trình Giáo dục quốc phòng:* Tổ chức giảng dạy và đào tạo cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

- *Tổ chức thực hiện chương trình:* Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- *Phương pháp giảng dạy:* Hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo. Cụ thể:

+ Thay đổi cách dạy, cách học theo hướng sử dụng CNTT và truyền thông hiện đại;  
+ Sử dụng các hình thức Xemina, bài tập nghiên cứu, hợp tác nhóm trong học tập;

+ Chú trọng việc dạy cách học, cách khám phá và cách tích lũy kiến thức cho sinh viên;

+ Hướng dẫn sinh viên xây dựng một phong cách học tập năng động, biết ứng dụng điều đã học vào thực tiễn cuộc sống;

+ Thông qua dạy học các học phần, chú ý thích đáng việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ thuật tự học, kỹ thuật giao tiếp và hợp tác.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định riêng của Trường trước đăng ký xét tốt nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**

